



PHỤ LỤC II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/ 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	12,50			
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3,00			Phòng VH-XH
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC năm	1,00			
	<i>Ban hành kịp thời (theo đúng thời gian được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh): 1</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành: 0</i>				
1.1.2	Xác định đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực CCHC theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực tính phù hợp với Kế hoạch CCHC của tỉnh.	0,50			
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.1.3	Thực hiện Kế hoạch CCHC	1,50			
	<i>Thực hiện từ 80% kế hoạch trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i>				
	$\frac{\text{Tỷ lệ \% thực hiện} \times \text{điểm tối đa}}{100\%}$				
	<i>Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0</i>				
1.2	Kế hoạch khắc phục chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị	1,00			Phòng VH-XH
1.2.1	Ban hành Kế hoạch khắc phục các tiêu chí chưa đạt điểm tối đa đối với Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm trước liền kề	0,50			
	<i>Ban hành Kế hoạch trong 20 ngày kể từ ngày UBND tỉnh công bố Chỉ số CCHC: 0,5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Ban hành Kế hoạch sau 20 ngày kể từ ngày UBND tỉnh công bố Chỉ số CCHC hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>				
1.2.2	<i>Xác định đầy đủ các tiêu chí chưa đạt điểm tối đa và giải pháp khắc phục cụ thể</i>	0,50			
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.3	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	2,00			Phòng VH-XH
1.3.1	Số lượng và nội dung báo cáo định kỳ (báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm)	1,00			
	<i>Đủ số lượng và đầy đủ nội dung: 1</i>				
	<i>Không đủ số lượng báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ nội dung: 0</i>				
1.3.2	Báo cáo được gửi đúng thời gian quy định (<i>báo cáo quý trước 05/3; báo cáo 6 tháng trước 05/6; báo cáo 9 tháng trước 05/9 và báo cáo năm trước 05/12</i>)	1,00			
	<i>Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định: 1</i>				
	<i>Có báo cáo gửi chậm hạn: 0</i>				
1.4	Công tác kiểm tra CCHC	1,00			Phòng VH-XH
1.4.1	Cơ quan, đơn vị (<i>phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã</i>) được kiểm tra trong năm	0,50			
	<i>100% số cơ quan đơn vị được kiểm tra : 0,5</i>				
	<i>Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
1.4.2	Xử lý/kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (<i>nếu không có vấn đề cần xử lý/kiến nghị xử lý được điểm tối đa</i>)	0,50			
	Từ 70% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức				
	$\frac{[(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0				
1.5	Công tác tuyên truyền CCHC	2,00			Phòng VH-XH
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các cuộc họp trong cơ quan; gửi đến cá nhân qua hệ thống Văn phòng điện tử; Trang thông tin điện tử; loa truyền thanh: 0,5</i>	<i>0,50</i>			
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức tuyên truyền khác như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; sân khấu hóa, video clip tuyên truyền, sổ tay hỏi đáp, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức phù hợp khác: 1,5</i>	<i>1,50</i>			
1.6	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	2,00			Phòng VH-XH
	<i>Có sáng kiến, giải pháp được áp dụng trên địa bàn tỉnh: 2</i>				
	<i>Có từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên áp dụng tại xã, phường: 1,5</i>				
	<i>Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới áp dụng tại xã, phường: 1</i>				
	<i>Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0</i>				
1.7	Đối thoại của Chủ tịch UBND xã, phường với người dân, doanh nghiệp	1,50			Văn phòng HĐND và UBND
1.7.1	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo xã, phường với người dân, doanh nghiệp	0,50			
	<i>Tổ chức từ 01 cuộc đối thoại trở lên: 0,5</i>				
	<i>Không tổ chức đối thoại: 0</i>				
1.7.2	Xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại	1,00			
	<i>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp: 1</i>				
	<i>Còn có đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp không được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	8,00			
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trong năm theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt	2,00			Văn phòng HĐND và UBND

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Hoàn thành 100% chương trình, Kế hoạch được phê duyệt: 2</i>				
	<i>Không hoàn thành chương trình, Kế hoạch được phê duyệt: 0</i>				
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2,50			Văn phòng HĐND và UBND
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1,50			
	<i>Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0,5</i>	<i>0,50</i>			
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0,5</i>	<i>0,50</i>			
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0,5</i>	<i>0,50</i>			
2.2.2	Xử lý kết quả TDTHPL (trường hợp không có vấn đề cần xử lý/kiến nghị xử lý thì được điểm tối đa)	1,00			
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua TDTHPL được xử lý/kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua TDTHPL được xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>				
2.3	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	2,00			Văn phòng HĐND và UBND
2.3.1	Thực hiện rà soát VBQPPL theo thẩm quyền	0,50			
	<i>Có triển khai, hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Không triển khai hoặc không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>				
2.3.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát VBQPPL (trường hợp không có văn bản cần xử lý/kiến nghị xử lý thì được điểm tối đa)	1,00			
	<i>Từ 70% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i>				
	$\frac{[Tỷ lệ \% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý \times điểm tối đa]}{100\%}$				
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>				
2.3.3	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm	0,50			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	Kịp thời, đúng quy định: 0,5				
	Không kịp thời, không đúng quy định: 0				
2.4	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	0,50			Văn phòng HĐND và UBND
	Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: 0,5				
	Còn có văn bản chưa xử lý hoặc đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0				
2.5	Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị (PAKN) về văn bản quy phạm pháp luật (Trường hợp không có PAKN về văn bản QPPL, được điểm tối đa)	1,0			Văn phòng HĐND và UBND
	Từ 70% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức				
	$\frac{[Tỷ lệ \% \text{ PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý} \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				
	Dưới 70% PAKN đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	18,00			
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	4,00			Trung tâm Phục vụ HCC
3.1.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	0,50			
	Ban hành kịp thời (theo đúng thời gian được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh): 0,5				
	Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành: 0				
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC	1,00			
	Hoàn thành từ 80% kế hoạch trở lên thì tính theo công thức				
	$\frac{[Tỷ lệ \% \text{ hoàn thành kế hoạch}] \times \text{điểm tối đa}}{100\%}$				
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát, đánh giá	0,50			
	<i>Từ 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>				
	$\frac{[(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				
	<i>Dưới 80% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.1.4	Kết quả rà soát, đánh giá đề xuất phương án đơn giản hoá TTHC thuộc phạm vi quản lý/thẩm quyền giải quyết của cấp xã	2,00			
	<i>Có phương án đơn giản hoá TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua: 2</i>				
	<i>Có đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC theo kế hoạch của UBND tỉnh: 1</i>				
	<i>Không có phương án đơn giản hóa TTHC: 0</i>				
3.2	Công khai TTHC	1,50			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>100% TTHC và các quy định về TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại trụ sở UBND xã, phường và Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường: 1</i>				
	<i>100% TTHC thuộc thẩm quyền quản lý được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử: 0,5</i>				
3.3	Ban hành các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ, của tỉnh	1,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Ban hành không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>				
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	5,00			Trung tâm Phục vụ HCC
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	4,00			
	<i>100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: 4</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Từ 98% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 3</i>				
	<i>Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>				
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã (trường hợp không có hồ sơ TTHC trả trễ hẹn được điểm tối đa)	1,00			
	<i>100% hồ sơ TTHC cấp xã trả trễ hẹn được xin lỗi theo quy định: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số hồ sơ TTHC trễ hẹn được xin lỗi hoặc xin lỗi không đúng quy định: 0</i>				
3.5	Đánh giá tiến độ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp xã trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	4,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn từ 90% trở lên: 4</i>				
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn từ 80% đến dưới 90%: 2</i>				
	<i>Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, trong hạn dưới 80%: 0</i>				
3.6	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (trường hợp không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được điểm tối đa)	1,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>100% PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Còn có PAKN chưa được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.7	Công khai kết quả trả lời phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị (trường hợp không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được điểm tối đa)	1,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>100% PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 1</i>				
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0</i>				
3.8	Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức	0,50			Trung tâm Phục vụ HCC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Không có đơn thư, phản ánh cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà, sách nhiễu cho cá nhân, tổ chức hoặc có đơn thư, phản ánh nhưng qua xác minh nội dung phản ánh không đúng sự thật (có xác nhận của cấp có thẩm quyền): 0,5</i>				
	<i>Có đơn thư, phản ánh cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà, sách nhiễu cho cá nhân, tổ chức : 0</i>				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	7,50			
4.1	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo phòng, lãnh đạo đơn vị sự nghiệp	2,00			Phòng VH-XH
4.1.1	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng Phó Trưởng phòng tại các phòng chuyên môn và tương đương cấp xã	1,00			
	<i>Thực hiện số lượng cấp phó theo đúng định mức quy định : 1</i>				
	<i>Thực hiện vượt số lượng cấp phó theo định mức quy định: 0</i>				
4.1.2	Thực hiện quy định về số lượng lãnh đạo đơn vị sự nghiệp	1,00			
	<i>Thực hiện số lượng cấp phó theo đúng định mức quy định : 1</i>				
	<i>Thực hiện vượt quá số lượng cấp phó theo định mức quy định: 0</i>				
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	2,00			Phòng VH-XH
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1,00			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>				
4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1,00			
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>				
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0</i>				
4.3	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý do cấp trên ban hành	1,50			Phòng VH-XH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1,5</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ theo quy định: 0</i>				
4.4	Thực hiện quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy	2,00			Phòng VH-XH
	<i>Rà soát, ban hành kịp thời quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc: 2</i>				
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>				
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13,50			
5.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức cấp xã	0,50			Phòng VH-XH
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.2	Thực hiện xây dựng vị trí việc làm, tỷ lệ công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã	1,50			Phòng VH-XH
5.2.1	Kịp thời xây dựng, điều chỉnh vị trí việc làm công chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	1,00			
	<i>Thực hiện kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>				
5.2.2	Việc bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,50			
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.3	Thực hiện xây dựng vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã	1,50			Phòng VH-XH
5.3.1	Kịp thời xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt vị trí việc làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1,00			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Thực hiện kịp thời, đúng quy định: 1</i>				
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>				
5.3.2	Việc bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,50			
	<i>Đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
5.4	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	0,50			Phòng VH-XH
	<i>100% số lãnh đạo quản lý cấp phòng và lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Có vị trí lãnh đạo bổ nhiệm không đúng quy trình, đối tượng, tiêu chuẩn: 0</i>				
5.5	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	5,50			Phòng VH-XH
5.5.1	Kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	0,50			
	<i>Xây dựng kế hoạch kiểm tra: 0,5</i>				
	<i>Không xây dựng kế hoạch kiểm tra: 0</i>				
5.5.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	1,00			
	<i>Hoàn thành kế hoạch kiểm tra: 1</i>				
	<i>Không hoàn thành kế hoạch kiểm tra: 0</i>				
5.5.3	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	4,00			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo UBND cấp xã, phường bị kỷ luật: 1</i>	1,00			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật: 1</i>	1,00			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo đơn vị trực thuộc bị kỷ luật: 1</i>	1,00			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ công chức thuộc phòng chuyên môn và tương đương bị kỷ luật: 1</i>	1,00			
5.6	Thực hiện quy định về chuyển đổi vị trí việc làm	1,50			Phòng VH-XH
5.6.1	Ban hành Kế hoạch	0,50			
	<i>Ban hành kế hoạch xác định rõ số lượng, vị trí, đối tượng chuyển đổi: 0,5</i>				
	<i>Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch nhưng không xác định rõ số lượng, vị trí, đối tượng chuyển đổi: 0</i>				
5.6.2	Thực hiện chuyển đổi vị trí việc làm	1,00			
	<i>Thực hiện đạt từ 80% kế hoạch trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>				
	$\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành kế hoạch}}{100\%} \times \text{điểm tối đa}$				
	Dưới 80% Kế hoạch: 0				
5.7	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	1,50			Phòng VH-XH
5.7.1	Kế hoạch tổ chức kiểm tra thực hiện dân chủ ở cơ sở	0,50			
	<i>Ban hành kế hoạch kiểm tra thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cấp xã: 0,5</i>				
	<i>Không có kế hoạch kiểm tra thực hiện dân chủ ở cơ sở tại cấp xã: 0</i>				
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra thực hiện dân chủ cơ sở	1,00			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>				
5.8	Thực hiện cập nhật, đầy đủ số lượng, thông tin cơ bản của CBCCVC hiện có lên Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức	1,00			Phòng VH-XH
	<i>Thực hiện cập nhật số lượng đầy đủ: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	12,00			
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	6,50			Phòng Kinh tế
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (<i>chỉ tính vốn kế hoạch năm đánh giá; số liệu ước giải ngân đến 31/01 năm liền kề năm đánh giá</i>)	3,00			
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 70% so với kế hoạch được giao trở lên thì điểm đánh giá được tính theo công thức:</i>				
	$\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ giải ngân} \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 70% so với kế hoạch được giao: 0</i>				
6.1.2	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	1,00			
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá (Không có số kinh phí được phát hiện sai phạm không đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, phải thu hồi trong năm đánh giá, không bao gồm các kiến nghị phản lời theo kết luận Thanh tra, Kiểm toán nhà nước: các ý kiến đề nghị đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm): 1</i>				
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá (là số kinh phí được phát hiện sai phạm không đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, phải thu hồi trong năm đánh giá, không bao gồm các kiến nghị phản lời theo kết luận Thanh tra, Kiểm toán nhà nước: các ý kiến đề nghị đơn vị chấn chỉnh, rút kinh nghiệm): 0</i>				
6.1.3	Thực hiện công khai, chấp hành dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,50			
	<i>Thực hiện đúng quy định : 0,5</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định : 0</i>				
6.1.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (<i>các kiến nghị trong năm đánh giá và năm trước liền kề năm đánh giá; trường hợp không có kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được điểm tối đa</i>)	2,00			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 2				
	Từ 90% đến dưới 100% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 1,5				
	Từ 70% đến dưới 90% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0,5				
	Dưới 70% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị: 0				
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính	1,50			Phòng Kinh tế
6.2.1	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế Quản lý và sử dụng tài sản công của các Phòng, đơn vị trực thuộc phù hợp với thể chế hiện hành	0,25			
	100% phòng chuyên môn và tương đương ban hành Quy chế phù hợp với thể chế hiện hành: 0,25				
	Có phòng chuyên môn và tương đương không ban hành Quy chế hoặc ban hành nhưng không phù hợp thể chế hiện hành: 0				
6.2.2	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công đối với các Phòng, đơn vị trực thuộc	0,25			
	Có kiểm tra: 0,25				
	Không kiểm tra: 0				
6.2.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính ở địa phương	1,00			
	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 1				
	Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	2,00			Phòng Kinh tế
6.3.1	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1,00			
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>				
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập	1,00			
	<i>Giảm so với năm trước liền kề: 1</i>				
	<i>Không giảm so với năm trước liền kề: 0</i>				
6.4	Thực hiện tiết kiệm kinh phí (đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc) được phân bổ để thực hiện tự chủ tài chính	1,50			Phòng Kinh tế
	<i>100% số đơn vị tiết kiệm kinh phí: 1,5</i>				
	<i>Dưới 100% số đơn vị tiết kiệm kinh phí thì điểm được tính theo công thức</i>				
	$\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ số đơn vị thực hiện đúng quy định} \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				
6.5	Thực hiện quy định báo cáo tài chính gửi cơ quan tài chính cấp trên theo quy định tại QĐ số 52/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ	0,50			Phòng Kinh tế
	<i>Thực hiện đúng quy định Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hàng năm: 0,25</i>	0,25			
	<i>Thực hiện đúng quy định báo cáo tài chính gửi cơ quan tài chính cấp trên theo quy định tại Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh: 0,25</i>	0,25			
7	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	14,50			
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của UBND cấp xã	3,00			Văn phòng HĐND và UBND
7.1.1	Tỷ lệ văn bản đi của cơ quan (giữa các cơ quan, đơn vị có sử dụng Hệ thống văn phòng điện tử; không bao gồm văn bản mật) được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm bản giấy	0,50			
	<i>Từ 80% trở lên văn bản đi được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm bản giấy thì điểm được tính theo công thức:</i>				
	$\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ văn bản} \times \text{điểm tối đa}]}{100\%}$				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Dưới 80% văn bản đã được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm bản giấy: 0</i>				
7.1.2	Tỷ lệ văn bản, nhiệm vụ được giao xử lý đúng quy trình trên Hệ thống Quản lý nhiệm vụ do UBND/Chủ tịch UBND tỉnh giao	1,00			
	<i>100% văn bản, nhiệm vụ được xử lý đúng quy trình: 1</i>				
	<i>Còn có văn bản, nhiệm vụ được xử lý không đúng quy trình : 0</i>				
7.1.3	Sử dụng các hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	0,50			
	<i>Sử dụng, cập nhật đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Sử dụng, cập nhật không đầy đủ, không đúng quy định: 0</i>				
7.1.4	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong môi trường làm việc	1,00			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số công chức của cơ quan, đơn vị b là tổng số công chức thường xuyên sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong môi trường làm việc</i>				
7.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>Điểm tính theo công thức:</i>				
	<i>$\frac{[Số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình \times điểm tối đa]}{Tổng hồ sơ giải quyết trong năm của dịch vụ công trực tuyến toàn trình}$</i>				
7.3	Cập nhật hồ sơ giải quyết TTHC vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh/của Bộ, ngành	2,50			Trung tâm Phục vụ HCC
7.3.1	Cập nhật hồ sơ giải quyết TTHC vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh/của Bộ, ngành	2,00			
	<i>100% hồ sơ giải quyết TTHC được cập nhật, xử lý đầy đủ, đúng quy định: 2</i>				
	<i>Còn có hồ sơ chưa được cập nhật hoặc được xử lý không đúng quy định: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ được cập nhật đảm bảo chất lượng dữ liệu (đúng, đủ, sạch) trên hệ thống	0,50			
	<i>Đạt yêu cầu về chất lượng dữ liệu: 0,5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
7.4	Hoạt động của trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1,50			Văn phòng HĐND và UBND
7.4.1	Số lượng tin bài được đăng tải hàng tháng về thông tin chỉ đạo, điều hành, hoạt động của cơ quan, đơn vị	0,50			
	<i>Bình quân mỗi tháng có từ 7 tin, bài trở lên: 0,5</i>				
	<i>Bình quân mỗi tháng có từ 04 đến 06 tin, bài: 0,25</i>				
	<i>Có dưới 04 tin, bài: 0</i>				
7.4.2	Số lượng văn bản hướng dẫn chỉ đạo các lĩnh vực công tác của cơ quan, đơn vị được đăng tải trong năm	0,50			
	<i>Có từ 60 văn bản trở lên: 0,5</i>				
	<i>Có từ 30 đến dưới 60 văn bản: 0,25</i>				
	<i>Có dưới 30 văn bản: 0</i>				
7.4.3	Tỷ lệ thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử được cập nhật thường xuyên, kịp thời và chính xác	0,50			
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
7.5	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1,00			Trung tâm Phục vụ HCC
	<i>Hoàn thành 100% hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được số hóa lên kho dữ liệu số hóa TTHC của tỉnh theo quy định về tiêu chuẩn, định dạng dữ liệu: 1</i>				
	<i>Hoàn thành từ 95% đến dưới 100%: 0,5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Hoàn thành dưới 95%: 0</i>				
7.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến	4,00			Trung tâm Phục vụ HCC
7.6.1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 2 Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	2,00		Số liệu tính trên cổng dịch vụ công Quốc gia	
7.6.2	- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên: 2 - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt từ 45% đến dưới 60%: 1 - Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt dưới 45%: 0	2,00		Số liệu tính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	
7.7	Mức độ hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị	1,00			Phòng VH-XH
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là tổng số nhiệm vụ theo quy định</i>				
7.8	Việc thực hiện các quy định về an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị	0,50			Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không đúng quy định hoặc để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin mạng: 0</i>				
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN PHÁT TRIỂN KT-XH CỦA XÃ/PHƯỜNG	14,00			
8.1	Mức độ phát triển doanh nghiệp	4,00			Phòng Kinh tế
8.1.1	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	2,00			
	<i>Tăng so với năm trước liền kề: 2</i>				
	<i>Không tăng so với năm trước liền kề: 0</i>				
8.1.2	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	1,00			
	<i>Tăng so với năm trước liền kề: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm chấm	Số liệu, tài liệu kiểm chứng	Đơn vị thực hiện đánh giá
	<i>Không tăng so với năm trước liền kề: 0</i>				
8.1.3	<i>Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách của khu vực doanh nghiệp</i>	1,00			
	<i>Tăng so với năm trước liền kề: 1</i>				
	<i>Không tăng so với năm trước liền kề: 0</i>				
8.2	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của cấp xã theo Kế hoạch được UBND tỉnh giao	5,00			Phòng Kinh tế
	<i>Vượt chỉ tiêu được giao: 5</i>				
	<i>Hoàn thành chỉ tiêu được giao: 3</i>				
	<i>Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0</i>				
8.3	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND cấp xã giao	5,00			Văn phòng HĐND và UBND
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a)*5+(c/a)*3$. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch</i>				
	<i>b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch</i>				
	<i>c là số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch</i>				
	Tổng cộng	100,00			